TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày: 25-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Hải

Bà Hà Thị Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 09/9/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 12/9/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1966; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị C; Vợ: Bùi Thị B, sinh năm 1968 (hiện đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ); Có 02 người con sinh năm 1990 và 1993 (đang bị bệnh bại não); Có 03 người em, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 9 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình, sau đó lập gia đình và làm thợ hồ cho đến ngày xảy ra vụ án; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/8/2019. (có mặt)

- *Bị hại:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Hà Văn L, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Ấp B, xã MH, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Phan Quốc M, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Ấp B, xã MH, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Đồng Văn N, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Ấp B, xã MH, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện G, Bến Tre.

(Ông B có mặt. Anh L, anh M, ông N, bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông Đặng Văn B và bà Trương Thị T có đất ruộng liền kề với đất của Nguyễn Văn C tọa lạc tại ấp V, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vào khoảng ngày 01/5/2019, vợ chồng Đặng Văn B cho rằng Nguyễn Văn C lấn ranh đất, bà Trương Thị T đã di dời trụ ranh lấn qua đất của Nguyễn Văn C, nên dẫn đến hai bên phát sinh mâu thuẫn tranh chấp ranh đất.

Vào khoảng 16 giờ ngày 05/5/2019, vợ chồng Đặng Văn B, bà Trương Thị T thuê ông Hà Văn L, Phan Quốc M, Đồng Văn N đến phần đất ruộng giáp ranh với đất của Nguyễn Văn C giăng dây ranh đất để lên bờ liếp trồng dừa. Thấy việc tranh chấp ranh đất chưa được giải quyết, C từ trong nhà cầm dao chạy ra ngăn cản và hỏi "thằng nào ban đất tao", ông B trả lời "tao ban" thì C cầm dao rượt ông B bỏ chạy. Sau đó, C đi về phía bà T cự cãi đẩy bà T té xuống mương nước gần đó, bà T bò lên thì C nắm tóc gõ bề sống dao lên đầu bà T 03 cái nhằm đe dọa rồi buông ra, bà T đứng dậy bỏ đi được một đoạn khoảng 02 – 03 mét thì C và bà T tiếp tục cự cãi, C cầm dao chém bà T một nhát trúng tay rồi chụp nắm lấy tay của bà T dùng dao cắt vào tay gây thương tích. Lúc này, bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972 từ trong nhà C đi ra lên tiếng can ngăn thì C dừng tay bỏ đi vào nhà, còn bà T được mọi người đưa đi Bệnh viện điều trị.

Vật chứng thu giữ là 01 con dao dài 43cm, cán dao bằng gỗ dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, mũi dao bằng rộng 5,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,5cm, nơi hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm, trọng lượng dao là 450gam chưa xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 176-619/TgT ngày 05/7/2019, Trung T Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Trương Thị T bị "Vết thương phía mu vùng ngón V bàn tay phải, kích thước: 0,8cm x 0,5cm rách da nông, đã lành sẹo, kích thước: 0,8cm x 0,1cm: 01% (một phần trăm). Vết thương phía mu đốt gần ngón V bàn tay phải, kích thước: 01cm x 01cm bờ gọn, sâu đứt nham nhỡ gân duỗi ngón V, gãy hở nát chỏm xương đốt gần ngón V thành nhiều mảnh nhỏ; Xquang bàn tay phải: gãy chỏm xương đốt gần ngón V; hiện: ngón V cứng khớp bàn ngón và các khớp liên đốt: 06% (sáu phần trăm). Vết thương mu đốt gần ngón IV bàn tay phải, kích thước: 1,5cm x 0,1cm rách da nông đã lành sẹo, kích thước: 01cm x 0,1cm: 01% (một phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra" và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 08%.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSBT ngày 06/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với Nguyễn Văn C về tội "Cố ý gây thương tích" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ *Hình phạt chính:* xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

+ *Hình phạt bổ sung:* không.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX tuyên bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích 7.424.621 đồng, tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng. Tổng cộng: 17.424.621 đồng. Dù tại tòa bị cáo đồng ý bồi thường ngày công lao động là 7.000.000 đồng và chi phí tổn hại đến thẩm mỹ là 4.000.000 đồng nhưng do hai khoản này không có tài liệu chứng minh nên đại diện Viện Kiểm sát không chấp nhận. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 10.500.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại 6.924.621 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao dài 43cm, cán dao bằng gỗ dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, mũi dao bằng rộng 5,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,5cm, nơi hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm, trọng lượng dao là 450gam do không còn giá trị sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng dao chém gây thương tích cho bà Trương Thị T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và phù hợp với cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri. Bị cáo xin HĐXX xem xét xử nhẹ cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Trương Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường tổng cộng 189.924.621 đồng gồm: Chi phí điều trị thương tích 7.424.621 đồng, ngày công lao động của bị hại 22.500.000 đồng, chi phí phục hồi sức khỏe về sau của bị hại 70.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng, gây cố tật tổn hại đến thẩm mỹ bàn tay 20.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo đồng ý bồi thường chi phí điều trị thương tích 7.424.621 đồng, ngày công lao động của bị hại 7.000.000 đồng, bồi thường tiền gây cố tật tổn hại đến thẩm mỹ bàn tay là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đồng ý bồi thường là 18.424.621 đồng, khấu trừ vào số tiền 10.500.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước đó, bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 7.924.621 đồng. Các khoản khác bị cáo không đồng ý bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa những người làm chứng Hà Văn L, Phan Quốc M, Đồng Văn N, Nguyễn Thị S vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện rõ trong quá trình điều tra vụ án, đồng thời bị cáo, bị hại và những người tiến hành tố tụng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ các Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn C là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do mâu thuẫn tranh chấp ranh đất nên Nguyễn Văn C đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém và cắt tay của bà Trương Thị T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 08%. Sự việc xảy ra vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/5/2019 tại phần đất ruộng của bà Trương Thị T tại ấp V, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi thương tích cho bị hại, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc gây thương tích cho người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra đúng như bị cáo mong muốn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Chính từ ý thức và việc làm sai trái trên đã gây ra những đau đớn về thể xác cho bị hại, gây tốn kém về tiền bạc cho việc điều trị. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Sau khi gây thương tích, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang nuôi con bị bệnh bại não nên HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có hoàn cảnh gia đình tương đối khó khăn, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng nên HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo về cho địa phương quản lý, giáo dục bị cáo cũng đủ giúp bị cáo sửa đổi trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

+ Về yêu cầu bồi thường chi phí điều trị của bị hại 7.424.621 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên HĐXX ghi nhận.

+ Về yêu cầu chi phí thẩm mỹ bàn tay 20.000.000 đồng của bị hại, yêu cầu này không phù hợp với quy định của pháp luật và đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu này. Tuy nhiên, tại tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên HĐXX ghi nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại 4.000.000 đồng.

+ Về thu nhập bị mất trong thời gian điều trị do không lao động được bị hại yêu cầu 22.500.000 đồng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận, bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 7.000.000 đồng. HĐXX xét thấy mức 7.000.000 đồng mà bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận mức 7.000.000 đồng.

+ Về yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 70.000.000 đồng của bị hại, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo không chấp nhận yêu cầu này. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy thương tích của bị hại là ít nghiêm trọng với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Căn cứ vào Điều 590 của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại quy định "Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định" so sánh với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể bị cáo gây ra cho bị hại, HĐXX chấp nhận mức bồi thường là 05 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện tại là 1.490.000 đồng/tháng với số tiền là 7.450.000 đồng.

+ Về chi phí phục hồi sức khỏe về sau của bị hại 70.000.000 đồng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận, bị cáo không chấp nhận bồi

thường. HĐXX xét thấy chi phí điều trị thương tích đã được tính trong yêu cầu chi phí điều trị thương tích và đồng thời đây là chi phí mà bị hại yêu cầu về sau này chưa phát sinh trong thực tế nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Tổng số tiền mà bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại là 25.874.621 đồng được khấu trừ vào số tiền 10.500.000 đồng bị đã bồi thường trước đó. Bị cáo phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 15.374.621 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng thu giữ là 01 con dao dài 43cm, cán dao bằng gỗ dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, do đây là hung khí bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại và giá trị sử dụng thấp nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/9/2019.

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 357 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Trương Thị T số tiền 15.374.621 (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 43cm, cán dao bằng gỗ dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 26cm, mũi dao bằng rộng 5,5cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,5cm, nơi hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm, trọng lượng dao là 450gam; (Theo phiếu nhập kho số NTKV36 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 769.000 (bảy trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Công an huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *UBND xã M (B – Bến Tre);*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng